

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08/3/2019

V/v “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Tấn Nhàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Ngọc Trâm**.

2. Bà **Võ Thị Trâm**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lưu Sử Ngọc Quân**, Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia
phiên tòa:* Ông **Võ Hoàng Nhân**, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành,
tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2019/TLST-HNGĐ
ngày 10 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương
sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **HTTK**, sinh năm 1971 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A20/2, ấp TT, xã TH, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Ông **NVS**, sinh năm 1969 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 117/18, ấp TA, xã TT, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2019 và các lời khai trong quá trình
giải quyết vụ án, nguyên đơn bà HTTK trình bày:**

Bà và ông NVS bắt đầu chung sống vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng
không có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 1997 thì
bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, mâu
thuẫn với nhau về vấn đề kinh tế và quản lý chi tiêu trong gia đình, cãi vã nhau
thường xuyên, lâu dần tình cảm không còn như trước và ông bà đã không còn
sống chung với nhau từ năm 1997 cho đến nay. Hiện nay mỗi người đều có cuộc

sống riêng, không ai quan tâm đến ai và nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông S..

Về con chung: Ông bà chung sống có 01 con chung NHAT, sinh ngày 21/01/1996, hiện anh T. đang sống cùng bà. Khi ly hôn, do anh T. đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai nhận không có.

Không ai nợ bà và ông S..

*** Theo biên bản lấy lời khai ngày 29/01/2019, bị đơn ông NVS trình bày:**

Ông thống nhất với lời trình bày của bà K. về thời gian sống chung, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm sống, không ai nhường nhịn ai, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc như thời gian đầu và anh chị đã không còn sống chung với nhau từ năm 1997 cho đến nay. Nay với yêu cầu ly hôn của bà K. thì ông đồng ý do tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Có một con chung như bà K. trình bày. Khi ly hôn, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết do anh T. đã thành niên.

Về tài sản chung,: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông khai nhận không có.

Không ai nợ ông và bà K..

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Do bà K. và ông S. chung sống với nhau vào năm 1994, không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà K. và ông S. là vợ chồng. Về con chung: Do anh NHAT đã thành niên nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung: Bà K. và ông S. không yêu cầu Tòa án giải nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Bà K., ông S. khai nhận không có nên không đặt ra xem xét.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Bà HTTK và ông NVS có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà K. và ông S. theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của bà HTTK và ông NVS thấy rằng: Bà K. và ông S. chung sống với nhau vào năm 1994, không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, mỗi người có quan điểm riêng về quản lý tiền bạc và chi tiêu trong gia đình nên vợ chồng thường hay cãi vã nhau, mâu thuẫn kéo dài làm cho tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mỗi người đều có cuộc sống riêng và ông bà đã không còn sống chung với nhau từ năm 1997 cho đến nay. Nay bà K. xin ly hôn thì ông S. đồng ý.

Xét việc bà K. và ông S. chung sống không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, do đó cần tuyên bố không công nhận bà K. và ông S. là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông bà chung sống có 01 con chung NHAT, sinh ngày 21/01/1996. Do anh T. đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà K. và ông S. không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà K. và ông S. khai nhận không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Bà K. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận bà HTTK và ông NVS là vợ chồng.
2. Về con chung: Bà HTTK và ông NVS có 01 con chung NHAT, sinh ngày 21/01/1996 đã thành niên nên không đặt ra xem xét.
3. Về tài sản chung: Bà HTTK và ông NVS không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.
4. Về nợ chung: Bà HTTK và ông NVS khai nhận không có nên không đặt ra xem xét.
5. Về án phí:

Bà HTTK phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà K. đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012865 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Bà HTTK và ông NVS vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

LÂM TẤN NHÀN